

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng

Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022.

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng:¹

¹ Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng.
2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với viên chức dinh dưỡng làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Mã số, phân hạng chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng

- | | |
|------------------------|-------------------|
| 1. Dinh dưỡng hạng II | Mã số: V.08.09.24 |
| 2. Dinh dưỡng hạng III | Mã số: V.08.09.25 |
| 3. Dinh dưỡng hạng IV | Mã số: V.08.09.26 |

Điều 3. Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp

1. Tận tụy phục vụ sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.
2. Hiểu biết và thực hiện đúng quy tắc ứng xử của viên chức ngành y tế.
3. Thực hành nghề nghiệp theo đúng quy chế, quy định, quy trình chuyên môn kỹ thuật và các quy định khác của pháp luật.
4. Tôn trọng và lắng nghe ý kiến của người bệnh, của cộng đồng về các nhu cầu dinh dưỡng, an toàn thực phẩm nhằm nâng cao sức khỏe.
5. Trung thực, khách quan, công bằng, trách nhiệm, đoàn kết, tôn trọng và hợp tác với đồng nghiệp trong thực hành nghề nghiệp.

Chương II

TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Dinh dưỡng hạng II - Mã số: V.08.09.24

1. Nhiệm vụ:
 - a) Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định, quy trình, phác đồ chuyên môn về dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế, an toàn thực phẩm;
 - b) Chủ trì, tham gia hội đồng chuyên môn và lập kế hoạch về công tác dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế, an toàn thực phẩm;
 - c) Chủ trì, tổ chức kiểm tra, giám sát công tác dinh dưỡng, tiết chế và an toàn thực phẩm;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ tại Công văn số 4932/BNV-CCVC ngày 02/10/2021 về việc ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế;

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,
Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.”*

- d) Quản lý trang thiết bị phục vụ kỹ thuật chuyên môn thuộc phạm vi phụ trách;
- đ) Chủ trì, tổ chức thực hiện truyền thông, giáo dục, tư vấn và công tác chỉ đạo tuyên về dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế, an toàn thực phẩm;
- e) Chủ trì, tổ chức và thực hiện nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng và chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật đối với viên chức chuyên môn, học viên, sinh viên thuộc phạm vi được giao;
- g) Chủ trì biên soạn tài liệu, giáo trình về dinh dưỡng, tiết chế, an toàn thực phẩm và tham gia giảng dạy khi có yêu cầu;
- h) Xây dựng và tổ chức thực hiện các quy định, quy trình, phác đồ chuyên môn về dinh dưỡng, tiết chế và an toàn thực phẩm;
- i) Tổ chức kiểm tra, giám sát công tác dinh dưỡng, tiết chế và an toàn thực phẩm;
- k) Tổ chức quản lý trang thiết bị phục vụ kỹ thuật chuyên môn thuộc phạm vi phụ trách;
- l) Tổ chức thực hiện truyền thông, giáo dục, tư vấn và công tác chỉ đạo tuyên về dinh dưỡng, tiết chế, an toàn thực phẩm;
- m) Tổ chức và thực hiện nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng và chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật đối với viên chức, học viên, sinh viên thuộc phạm vi được giao;
- n) Tham gia biên soạn tài liệu, giáo trình về dinh dưỡng, tiết chế, an toàn thực phẩm và giảng dạy khi có yêu cầu.

2.² Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Tốt nghiệp chuyên khoa cấp I hoặc thạc sĩ trở lên nhóm ngành Dinh dưỡng.
- b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng (dùng cho các hạng chức danh dinh dưỡng).

3. Tiêu chuẩn năng lực, chuyên môn nghiệp vụ:

- a) Hiểu biết quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.
- b) Phát hiện được vấn đề dinh dưỡng, an toàn thực phẩm, lập kế hoạch, đánh giá can thiệp dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và đề xuất giải pháp can thiệp phù hợp, hiệu quả;
- c) Có năng lực tổ chức, thực hiện truyền thông, giáo dục, tư vấn dinh dưỡng, an toàn thực phẩm;
- d) Thành thạo kỹ năng chẩn đoán, xử trí các vấn đề dinh dưỡng và đảm bảo an toàn thực phẩm;

² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 03/2021/TT-BYT ngày 26/4/2022, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022.

đ) Chủ nhiệm hoặc thư ký hoặc người tham gia chính (50% thời gian trở lên) đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên hoặc sáng chế/phát minh khoa học/sáng kiến cải tiến kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành đã được nghiệm thu đạt;

e)³ Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh dinh dưỡng hạng III lên chức danh dinh dưỡng hạng II phải có thời gian giữ chức danh dinh dưỡng hạng III hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh dinh dưỡng hạng III tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

g)⁴ Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

Điều 5. Dinh dưỡng hạng III - Mã số: V.08.09.25

1. Nhiệm vụ:

a) Tổ chức và thực hiện các quy định, quy trình, phác đồ chuyên môn về dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế, an toàn thực phẩm;

b) Lập kế hoạch và thực hiện công tác dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế, an toàn thực phẩm để dự phòng và điều trị.

c) Thực hiện kiểm tra, giám sát công tác dinh dưỡng, tiết chế và an toàn thực phẩm: kiểm tra quy trình bảo quản, chế biến, lưu mẫu, vận chuyển và phân phối thực phẩm, khâu phân có chất lượng, đúng chỉ định và đảm bảo an toàn;

d) Quản lý trực tiếp trang thiết bị phục vụ kỹ thuật chuyên môn thuộc phạm vi phụ trách;

đ) Thực hiện truyền thông, giáo dục, tư vấn và công tác chỉ đạo tuyên về dinh dưỡng, tiết chế và an toàn thực phẩm;

e) Tham gia nghiên cứu khoa học, đào tạo, bồi dưỡng và hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật đối với viên chức, sinh viên, học sinh thuộc phạm vi được giao;

g) Tham gia biên soạn tài liệu, giáo trình về dinh dưỡng, tiết chế, an toàn thực phẩm và giảng dạy khi có yêu cầu.

2.⁵ Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp đại học nhóm ngành Dinh dưỡng; bác sĩ nhóm ngành Y học và tốt nghiệp sau đại học nhóm ngành Dinh dưỡng.

³ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 03/2021/TT-BYT ngày 26/4/2022, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022.

⁴ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 03/2021/TT-BYT ngày 26/4/2022, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022.

⁵ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 03/2021/TT-BYT ngày 26/4/2022, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022.

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng (dùng cho các hạng chức danh dinh dưỡng).

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Hiểu biết quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;

b) Thành thạo kỹ năng khai thác, thu thập thông tin, chẩn đoán, xử trí vấn đề về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm;

c) Có khả năng phát hiện được vấn đề dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và đề xuất giải pháp can thiệp phù hợp, hiệu quả;

d) Có khả năng lập kế hoạch, tổ chức, giám sát, đánh giá công tác dinh dưỡng, an toàn thực phẩm;

đ) Có khả năng tổ chức, thực hiện truyền thông, giáo dục, tư vấn dinh dưỡng, an toàn thực phẩm.

e)⁶ Viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng hạng IV lên chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng hạng III phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng hạng IV và tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh dinh dưỡng hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;

g)⁷ Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

Điều 6. Dinh dưỡng hạng IV - Mã số: V.08.09.26

1. Nhiệm vụ:

a) Thực hiện các quy định, quy trình, phác đồ chuyên môn về dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế và an toàn thực phẩm;

b) Thực hiện các hoạt động dinh dưỡng cộng đồng, dinh dưỡng tiết chế, an toàn thực phẩm để dự phòng và điều trị.

c) Tham gia kiểm tra, giám sát công tác dinh dưỡng, tiết chế và an toàn thực phẩm: quy trình bảo quản, chế biến, lưu mẫu, vận chuyển và phân phối thực phẩm, khẩu phần có chất lượng, đúng chỉ định và đảm bảo an toàn;

d) Quản lý trực tiếp trang thiết bị phục vụ kỹ thuật chuyên môn thuộc phạm vi phụ trách;

⁶ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Thông tư số 03/2021/TT-BYT ngày 26/4/2022, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022.

⁷ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Thông tư số 03/2021/TT-BYT ngày 26/4/2022, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022.

đ) Thực hiện truyền thông, giáo dục, tư vấn và công tác chỉ đạo tuyên về dinh dưỡng, tiết chế và an toàn thực phẩm;

e) Tham gia nghiên cứu khoa học, hướng dẫn thực hành chuyên môn kỹ thuật khi có yêu cầu

2.⁸ Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp cao đẳng dinh dưỡng.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Hiểu biết quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;

b) Có năng lực khai thác, thu thập thông tin về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm;

c) Có năng lực phát hiện được vấn đề dinh dưỡng, an toàn thực phẩm và đề xuất giải pháp can thiệp phù hợp, hiệu quả;

d) Có năng lực xử trí vấn đề về dinh dưỡng, an toàn thực phẩm khi được giao;

đ) Có năng lực thực hiện truyền thông, giáo dục dinh dưỡng, an toàn thực phẩm.

Chương III

HƯỚNG DẪN BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG

THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 7. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức

1. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp đối với viên chức quy định tại Thông tư liên tịch này phải căn cứ vào vị trí việc làm, nhiệm vụ được giao của viên chức.

2. Khi bổ nhiệm từ ngạch viên chức hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Điều 8. Các trường hợp bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp

Viên chức đã được bổ nhiệm vào các ngạch công chức ngành y tế theo quy định tại Quyết định số 415/TCCP-VC ngày 29 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng - Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành y tế, nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch này, như sau:

1. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng hạng II (mã số V.08.09.24) đối với viên chức ngành y tế hiện đang làm công tác dinh dưỡng, đang giữ ngạch viên chức hưởng lương viên chức loại A2 (nhóm A2.1);

⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Thông tư số 03/2021/TT-BYT ngày 26/4/2022, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022.

2. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng hạng III (mã số V.08.09.25) đối với viên chức ngành y tế hiện đang làm công tác dinh dưỡng, đang giữ ngạch viên chức hưởng lương viên chức loại A1;

3. Bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng hạng IV (mã số V.08.09.26) đối với viên chức ngành y tế hiện đang làm công tác dinh dưỡng, đang giữ ngạch viên chức hưởng lương viên chức loại A0.

Điều 9. Cách xếp lương

1. Các chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch này được áp dụng Bảng lương chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước (Bảng 3) ban hành kèm theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, như sau:

a) Chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng hạng II (mã số V.08.09.24) được áp dụng hệ số lương viên chức loại A2 (nhóm A2.1), từ hệ số lương từ 4,40 đến hệ số lương 6,78;

b) Chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng hạng III (mã số V.08.09.25) được áp dụng hệ số lương viên chức loại A1, từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

c) Chức danh dinh dưỡng hạng IV (mã số V.08.09.26) được áp dụng hệ số lương viên chức loại A0, từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89.

2. Xếp lương khi hết thời gian tập sự và được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp:

Sau khi hết thời gian tập sự theo quy định và được cấp có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp thì thực hiện xếp bậc lương trong chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm như sau:

a) Trường hợp có trình độ tiến sĩ dinh dưỡng thì được xếp bậc 3, hệ số lương 3,00 của chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng hạng III (mã số V.08.09.25);

b) Trường hợp có trình độ thạc sĩ dinh dưỡng thì được xếp bậc 2, hệ số lương 2,67 của chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng hạng III (mã số V.08.09.25).

3. Việc xếp lương khi bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức quy định tại Khoản 1 Điều này đối với viên chức đã được xếp lương vào các ngạch viên chức chuyên môn y tế và Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được thực hiện như sau:

Viên chức được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng có hệ số bậc lương bằng ở ngạch cũ thì thực hiện xếp ngang bậc lương và % phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đang hưởng ở ngạch cũ (kể cả tính thời gian xét nâng bậc lương lần sau hoặc xét hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung nếu có ở ngạch cũ) vào chức danh nghề nghiệp mới được bổ nhiệm.

4. Việc thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức dinh dưỡng được thực hiện sau khi đã được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch này và thực hiện xếp lương theo hướng dẫn tại Khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Hiệu lực thi hành⁹

⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022 quy định như sau:

Điều 8: Điều khoản chuyển tiếp

1. Viên chức đã được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế theo quy định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà trong quy định về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng của chức danh đó không yêu cầu có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp thì không phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp quy định tại Thông tư này. Viên chức khi tham dự kỳ thi, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức quy định tại Thông tư này.

2. Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế của tất cả các hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành y tế được cấp trước ngày thông tư này có hiệu lực thi hành có giá trị tương đương với chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức quy định tại Thông tư này.

3. Đối với các khóa đào tạo cấp chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y tế công cộng, dược, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng, dân số của các hạng chức danh tương ứng đang triển khai trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục đào tạo, cấp chứng chỉ.

4. Viên chức có bằng tốt nghiệp Cử nhân Điều dưỡng chuyên ngành phụ sản trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được xác định đáp ứng đủ yêu cầu trình độ đào tạo của chức danh nghề nghiệp Hộ sinh hạng III quy định tại khoản 8 Điều 3 Thông tư này.

Điều 9: Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2022.

2. Điểm b, điểm c khoản 2 Điều 10 Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ; điểm b, điểm c khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng; điểm b, điểm c khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

Điều 10: Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2015.

Điều 11. Điều khoản áp dụng

1. Viên chức đã được bổ nhiệm vào các ngạch viên chức chuyên ngành y tế, nay được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng quy định tại Thông tư liên tịch này thì cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm tạo điều kiện để viên chức bổ sung những tiêu chuẩn còn thiếu của chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng được bổ nhiệm.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư liên tịch này là căn cứ để thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ viên chức dinh dưỡng trong các cơ sở sự nghiệp công lập.

2. Các cơ sở ngoài công lập có thể vận dụng quy định tại Thông tư liên tịch này để tuyển dụng, sử dụng, quản lý đội ngũ nhân lực dinh dưỡng tại cơ sở.

3. Người đứng đầu cơ sở sự nghiệp công lập trực tiếp quản lý, sử dụng viên chức có trách nhiệm:

a) Rà soát các vị trí việc làm của đơn vị, lập phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng thuộc thẩm quyền quản lý, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền phân cấp;

b) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức dinh dưỡng thuộc diện quản lý vào chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng tương ứng theo thẩm quyền hoặc theo phân cấp, ủy quyền sau khi phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương đối với viên chức dinh dưỡng trong các cơ sở sự nghiệp công lập;

b) Phê duyệt phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức dinh dưỡng trong các cơ sở sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý từ ngạch viên chức hiện giữ sang các chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng tương ứng quy định tại Thông tư liên tịch này; giải quyết theo thẩm quyền những vướng mắc trong quá trình bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương;

c) Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức thuộc diện quản lý vào các chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng tương ứng trong các đơn vị sự nghiệp công lập theo thẩm quyền.

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Y tế để được hướng dẫn hoặc xem xét, giải quyết./.

d) Báo cáo kết quả bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức dinh dưỡng trong các cơ sở sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Y tế, Bộ Nội vụ.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư liên tịch này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Y tế để tổng hợp và chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ xem xét, giải quyết./.

BỘ Y TẾ

Số: /VBHN-BYT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ);
- Q. Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố TW;
- Công Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, PC, TCCB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Trường Sơn